

Số: **2414** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **30** tháng 12 năm 2016

VĂN PHÒNG HĐND - UBND HUYỆN KIM BANG	
<b>ĐẾN</b>	Số: <u>147</u>
	Ngày: <u>10/11/2017</u>
	Chuyển: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Đơn giá dịch vụ thu gom, bóc xúc, vận chuyển,  
xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích; Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Văn bản của Bộ Xây dựng: Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2008 hướng dẫn quản lý chi phí công ích đô thị; Quyết định số 322/QĐ-BXD ngày 06 tháng 4 năm 2012 công bố suất vốn đầu tư và mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 về Công bố Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Đơn giá dịch vụ thu gom, bóc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 về việc công bố Đơn giá dịch vụ bóc xúc, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- VPUB: CPVP, GTXD, TNMT;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**

**ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ THU GOM, BỐC XÚC, VẬN CHUYỂN,  
XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2414** /QĐ-UBND ngày **30** tháng 12 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

## I. THUYẾT MINH

### 1. Căn cứ xây dựng đơn giá:

1. Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích
2. Nghị định 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
3. Định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị Công bố kèm theo Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng;
4. Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí công ích đô thị;
5. Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;
6. Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-BXD ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư và mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
7. Bảng giá ca máy và thiết bị xây dựng công bố kèm theo Quyết định số 734/QĐ- UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Nam;

### 2. Nội dung đơn giá:

- Đơn giá dịch vụ thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ đô thị theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đúng quy trình, quy phạm đảm bảo chất lượng đề ra (chi phí vật liệu, công cụ lao động, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy và thiết bị, chi phí quản lý chung, lợi nhuận định mức và thuế giá trị gia tăng).

- Đơn giá dịch vụ thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải gồm chi phí sau:

#### a) Chi phí vật liệu :

Chi phí vật liệu là chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải. Kể cả hao phí vật liệu, công cụ lao động khác (như chổi, xẻng, cán xẻng, găng tay,...) trực tiếp sử dụng trong quá trình thực hiện công việc không có trong định mức theo công bố. Các hao phí này được tính trong chi phí quản lý chung của đơn giá.

#### b) Chi phí nhân công :

Tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, bao gồm:

- Hệ số lương cấp bậc công việc: Nhóm I- Bảng lương Dịch vụ công ích đô thị; cung cấp điện, nước sạch (Mục 6- Phần I của Phụ lục kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH);

- Mức lương cơ sở là 1.210.000 đồng/ tháng được quy định tại Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang;

- Phụ cấp lương gồm phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm bằng 10% mức lương cơ sở;

- Hệ số điều chỉnh tăng thêm: không áp dụng.

*c) Chi phí sử dụng xe máy và thiết bị:*

Giá ca xe máy và thiết bị được lập trên cơ sở điều chỉnh Bảng giá ca máy và thiết bị thi công Công bố kèm theo Quyết định số 734/QĐ- UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Nam, trong đó:

- Điều chỉnh giá nhiên liệu tại thời điểm 20/12/2016 theo báo giá của Tổng công ty Xăng dầu;

- Điều chỉnh tiền lương lái xe theo hệ số lương, mức lương cơ sở, phụ cấp lương quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH (cách tính như đối với tiền lương lao động trực tiếp);

- Hệ số lương cấp bậc theo Bảng 3- Phần II của Phụ lục kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH;

*c) Chi phí quản lý chung:*

- Chi phí quản lý chung là chi phí quản lý của doanh nghiệp, chi phí phục vụ trực tiếp quản lý chung, chi phí phục vụ công nhân, chi trả lãi vay vốn ngân hàng, chi phí tiền ăn giữa ca, các khoản phí, lệ phí và các khoản chi phí khác, chi phí thuê tài sản, mặt bằng nhà xưởng (nếu có) và các khoản chi khác;

- Chi phí quản lý chung được xác định bằng tỷ lệ % so với chi phí nhân công trực tiếp để thực hiện một đơn vị khối lượng dịch vụ bốc xúc, vận chuyển rác thải sinh hoạt và được tính bằng 65% chi phí nhân công trực tiếp.

Đối với khối lượng công tác có chi phí sử dụng máy và thiết bị > 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được tính bằng 2,5% chi phí sử dụng xe máy và thiết bị.

*d) Lợi nhuận định mức:*

Lợi nhuận định mức được tính bằng 3% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong giá dự toán thực hiện dịch vụ bốc xúc, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

*đ) Thuế giá trị gia tăng:*

Thuế giá trị gia tăng cho công tác dịch vụ công ích áp dụng mức thuế suất 10%.

### **3. Kết cấu đơn giá**

- a) Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công
- b) Công tác xúc rác sinh hoạt lên xe ô tô bằng thủ công
- c) Công tác xúc rác sinh hoạt lên xe ô tô bằng cơ giới
- d) Công tác vận chuyển rác sinh hoạt đến trạm xử lý
- e) Công tác chôn lấp rác thải hợp vệ sinh
- f) Công tác xử lý rác sinh hoạt

### **4. Quy định áp dụng**

- Đơn giá thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt dự toán giá dịch vụ công ích để đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch thực hiện công tác thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Khi lập dự toán phải căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa bàn, cự ly vận chuyển, khối lượng rác thu gom (*căn cứ mức phát thải rác sinh hoạt do UBND tỉnh quyết định*) để xác định chi phí cho phù hợp.

- Việc xác định chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt căn cứ khối lượng xử lý cần loại trừ khối lượng rác đã được phân loại cho mục đích tái chế hoặc chôn lấp để tránh trùng lặp chi phí. Căn cứ vào công nghệ xử lý rác (chế biến thành phân vi sinh hay công nghệ đốt) để xác định đơn giá xử lý.

## **5. Xử lý chuyên tiếp**

Đơn giá thu gom, bốc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt được xử lý chuyên tiếp đối với từng trường hợp như sau:

a) Đối với các gói thầu đã ký hợp đồng xây dựng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết;

b) Các sản phẩm, dịch vụ đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện các bước tiếp theo thì thực hiện điều chỉnh giá dự toán gói thầu trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu;

c) Các sản phẩm, dịch vụ đã phê duyệt dự toán, đang tổ chức lựa chọn nhà thầu; đang thương thảo ký hợp đồng hoặc đã thương thảo, ký hợp đồng nhưng chưa triển khai thì thực hiện điều chỉnh giá gói thầu và bổ sung phụ lục hợp đồng để thực hiện bước tiếp theo.

d) Đối với sản phẩm dịch vụ theo hình thức đặt hàng thì việc điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản liên quan.

e) Đối với sản phẩm, dịch vụ theo hình thức giao kế hoạch thì việc điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản liên quan.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

## **II. ĐƠN GIÁ**

### **PHẦN 1 CÔNG TÁC THU GOM RÁC**

#### **MT1.05.00 Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công**

##### Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển công cụ thu chứa dọc ngõ, gõ kèng và thu rác nhà dân.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom.

- Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên công cụ thu chứa và di chuyển về vị trí tập kết qui định.
- Đối với những ngõ rộng, có vỉa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua vỉa, rãnh và xúc lên công cụ thu chứa; dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ.
- Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- Tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn giá sau thuế theo địa bàn, khu vực (đồng/1km)	
		Các phường thuộc thành phố Phủ Lý	Các xã thuộc thành phố và các huyện
MT1.05.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	239.776	239.776

Ghi chú:

- Đơn giá trên áp dụng cho công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm có chiều rộng  $\geq 1,5m$ .
- Đơn giá đã tính hệ số 0,8 đối với đô thị loại III ÷ IV.

## PHẦN 2 CÔNG TÁC XÚC RÁC SINH HOẠT LÊN Ô TÔ

**MT1.06.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung (bể chứa rác) lên xe ô tô bằng thủ công**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cào rác từ bể chứa rác hoặc đóng rác, xúc rác nạp vào máng xe ép rác, quét dọn xung quanh bể rác và đóng rác; phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- Cuối ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi quy định.

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn giá sau thuế theo địa bàn, khu vực (đồng/tấn rác)	
		Các phường thuộc thành phố Phủ Lý (P.Lê Hồng Phong, P.Thanh Tuyên, P.Lam Hạ)	Các xã thuộc thành phố và các huyện
MT1.06.00	Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công	161.387	161.387

**MT2.07.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc rác.
- Lái xe xúc điều khiển, vun gọn lượng rác vào điểm tập trung.
- Xúc rác lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- Điều khiển gàu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- Tiếp tục xúc rác cho các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi quy định, giao ca.

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn giá sau thuế theo địa bàn, khu vực (đồng/tấn rác)	
		Các phường thuộc thành phố Phủ Lý (P.Lê Hồng Phong, P.Thanh Tuyên, P.Lam Hạ)	Các xã thuộc thành phố và các huyện
MT2.07.00	Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới	17.442	17.442

### PHẦN 3 CÔNG TÁC VẬN CHUYỂN RÁC ĐẾN TRẠM XỬ LÝ

**MT2.01.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến điểm đổ rác với cự ly bình quân 20km**  
Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- Nạp rác từ xe thô sơ (xe đẩy tay) hoặc xúc rác từ bể chứa vào máng hứng, ép vào xe.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác ép đầy xe.
- Điều khiển xe về địa điểm đổ rác.
- Cân và đổ rác tại địa điểm đổ rác.
- Di chuyển xe ép về điểm đổ.
- Hết ca vệ sinh phương tiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn giá sau thuế theo địa bàn, khu vực (đồng/tấn rác)	
		Các phường thuộc thành phố Phủ Lý	Các xã thuộc thành phố và các huyện
MT2.01.02	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến điểm đổ rác với cự ly bình quân 20 km, loại xe 5 tấn ≤ Xe ≤ 10 tấn <sup>(1)</sup>	137.152	137.152



**Ghi chú:**

Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì đơn giá vận chuyển rác về trạm xử lý được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (Km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

**PHẦN 4  
CÔNG TÁC XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN**

**1. Công tác chôn lấp rác thải sinh hoạt**

**MT3.01.00 Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất bãi  $\leq 500$  tấn/ngày**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Tiếp nhận rác, hướng dẫn xe qua cân điện tử, ghi chép số liệu và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Đổ, cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đổ không còn rác trên xe.
- Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- San ủi các đồng rác thành bãi phẳng, đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác.
- Phun xịt chế phẩm vi sinh (EM), rải Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.
- Sau một lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.
- Rắc vôi bột, hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.
- San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- Quét dọn đảm bảo vệ sinh khu vực bãi, khu vực cân điện tử, trạm rửa xe.
- Duy trì cây xanh khu vực bãi.
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn. Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

**Yêu cầu kỹ thuật:**

- Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.
- Độ dày lớp đất phủ là 0,15m đến 0,2m.

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn giá sau thuế theo địa bàn, khu vực (đồng/tấn rác)	
		Các phường thuộc thành phố Phủ Lý	Các xã thuộc thành phố và các huyện
MT3.01.00	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất bãi $\leq 500$ tấn/ngày		49.237

**2. Công tác xử lý rác bằng công nghệ đốt và chế biến thành phân vi sinh**

**a) Định mức áp dụng**

- Mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt là khoản kinh phí tính cho một đơn vị công suất xử lý (01 tấn/ngày) nhằm đảm bảo bù đắp các khoản chi phí có liên quan đến quá trình đầu tư và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt với mức lợi nhuận hợp lý.

- Định mức chi phí: Áp dụng mức chi phí công bố theo Quyết định số 322/QĐ-BXD ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

**b) Mức chi phí xử lý**

- Mức chi phí tính bình quân cho công nghệ chế biến thành phân vi sinh (công suất trạm  $>300$  tấn/ngày) là 209.000 đồng/tấn, trong đó:

- + Mức chi phí trước thuế: 190.000 đồng/tấn
- + Thuế giá trị gia tăng 10%: 19.000 đồng/tấn

- Mức chi phí tính bình quân cho công nghệ đốt (công suất trạm 50 - 300 tấn/ngày) là 374.000 đồng/tấn, trong đó:

- + Mức chi phí trước thuế: 340.000 đồng/tấn
- + Thuế giá trị gia tăng 10%: 34.000 đồng/tấn

**Ghi chú:**

Mức chi phí xử lý tham khảo định mức công bố kèm theo Quyết định số 322/QĐ-BXD ngày 06/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, trong đó:

- Công nghệ chế biến thành phân vi sinh:

- + Công suất trạm 100-300 tấn/ngày: 270.000 ÷ 220.000 đ/tấn
- + Công suất trạm  $>300$  tấn/ngày: 220.000 ÷ 160.000 đ/tấn

- Công nghệ đốt:

- + Công suất trạm 50-300 tấn/ngày: 410.000 ÷ 320.000 đ/tấn.

